

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 08 - 4 - 2021

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST – DS ngày 08 tháng 01
năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân
dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim H** (tên thường gọi H) – sinh năm 1965
(vắng mặt).

Địa chỉ: số 293^A, khóm 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Thị Kim H** là: Chị **Trương Lê
Bích Y** – sinh năm: 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020) (có mặt).

Địa chỉ: số 293, khóm 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* 2.1. Bà **La Thị L** – sinh năm: 1965 (có mặt).

2.2. Ông **Đặng Văn T** – sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và
tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị
Kim H là chị Trương Lê Bích N trình bày:

Mẹ chị là bà Lê Thị Kim H (tên thường gọi H) có cho bà La Thị L và ông Đặng Văn T vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 29/02 (âl)/2020 nhằm ngày 22/3(dl)/2020 bà H có cho vợ chồng bà L và ông T vay số tiền là 1.100.000.000đ, có viết biên nhận do bà L ký tên.

- Lần 2: Vào ngày 24/4(âl)/2020 nhằm ngày 16/5(dl)/2020 bà H có cho vợ chồng bà L và ông T vay số tiền là 387.000.000đ, có viết biên nhận do bà L ký tên.

- Lần 3: Vào ngày 17/5(âl)/2020 nhằm ngày 07/7(dl)/2020 bà H có cho vợ chồng bà L và ông T vay số tiền là 500.000.000đ có viết biên nhận do bà L ký tên.

Tổng cộng 03 lần bà H cho vợ chồng bà L và ông T vay số tiền là 1.987.000.000đ.

Sau đó bà H có đến gặp vợ chồng bà L và ông T nhiều lần để yêu cầu vợ chồng bà M và ông T trả lại cho bà H số tiền trên nhưng ông bà cứ hứa nhiều lần mà không trả tiền vay cho bà H, khi vay tiền bà M nói với bà H là để mua đất, mua xe vì vậy bà H mới cho bà M vay.

Nay bà H yêu cầu bà La Thị L và ông Đặng Văn T cùng có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà Lê Thị Kim H số tiền vay là 1.987.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu đồng), bà H không yêu cầu tính lãi.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 25/01/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà La Thị M trình bày:**

Bà thừa nhận bà có vay tiền của bà H (tên thường gọi H) tổng cộng 03 lần với số tiền là 1.987.000.000đ. Bà vay tiền của bà H để đóng tiền hội chết cho bà H do bà có tham gia góp hội với bà H do sau khi bà hốt hội xong bà không có tiền đóng lại tiền hội chết nên bà có vay tiền của bà H để đóng tiền hội. Số tiền hốt hội thì bà sử dụng chung trong gia đình, để phục vụ mục đích sinh hoạt chung trong gia đình. Nay bà H yêu cầu bà và chồng bà là ông T phải trả lại cho bà H số tiền vay là 1.987.000.000đ, không yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý.

Bị đơn ông Đặng Văn T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Xét việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

*** Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:**

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Sổ hộ khẩu (bản sao); Biên nhận; Giấy uỷ quyền; Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Lê Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà La Thị M, ông Đặng Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đặng Văn T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà M, ông T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà H yêu cầu yêu cầu bà La Thị M và ông Đặng Văn T cùng có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà Lê Thị Kim H số tiền vay là 1.987.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà M thống nhất thừa nhận là bà còn nợ tiền vay của bà H với số tiền là 1.987.000.000đ, bà M trình bày bà vay tiền của bà H để đóng tiền hội chết cho bà H do bà có tham gia góp hội với bà H do sau khi bà hót hội xong bà không có tiền đóng lại tiền hội chết nên bà có vay tiền của bà H để đóng tiền hội. Số tiền hót hội bà sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình bà và ông T. Nay bà H yêu cầu bà và chồng bà là ông T phải trả lại cho bà H số tiền vay là 1.987.000.000đ, không yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở. Do bà M thống nhất thừa nhận là bà M còn nợ tiền vay là 1.987.000.000đ của bà H và đồng ý cùng ông T trả cho bà H số tiền trên, tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt, ông T và bà M là vợ chồng, bà M cũng thừa nhận số tiền vay của bà H để đóng hội và sau khi hót hội bà cùng ông T sử dụng chung trong gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 27 luật hôn nhân và gia đình buộc ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền trên. Buộc bà La Thị M và ông Đặng Văn T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền vay là 1.987.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu đồng), bà Lê Thị Kim H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà M và ông T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 71.610.000đ.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim H.

Buộc bà La Thị M và ông Đặng Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Kim H số tiền vay là 1.987.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu đồng), bà Lê Thị Kim H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà La Thị M và ông Đặng Văn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 71.610.000đ (Bảy mươi một triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Bà Lê Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 35.805.000đ (Ba mươi lăm triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008780, ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh